

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 13 tháng 5 năm 2025 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 270/2024/TLST-DS ngày 09 tháng 4 năm 2024 về việc “Tranh chấp thừa kế tài sản”;

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Tiêu Chấn T, sinh năm 1982.

Địa chỉ: A A, Phường A, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Ngô Thái Tùng T1, sinh năm 1974

Người nhận ủy quyền lại: Bà Phạm Thị Thanh T2, sinh năm 2001.

Cùng địa chỉ liên hệ: Số D M, Phường I, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn*: Bà Mai Thị L, sinh năm 1970.

Địa chỉ: D L, Phường A, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

+ Ông Tiêu Chấn N, sinh năm 1989;

+ Ông Tiêu Chấn T3, sinh năm 1995;

+ Ông Tiêu Chấn H, sinh năm 1978;

+ Ông Tiêu Chấn D, sinh năm 1984;

Cùng địa chỉ: Số D L, Phường A, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

+ Bà Tiêu Nguyệt H1, sinh năm 1980.

Địa chỉ: Số F lộ H, khóm A, phường T, khu T, thành phố T, Đài Loan.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Tiêu Chấn T, sinh năm 1982.

Địa chỉ: A A, Phường A. Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Xác định hàng thừa kế thứ nhất của ông Tiêu Gia X gồm: Bà Mai Thị L, sinh năm 1970; ông Tiêu Chấn H, sinh năm 1978; bà Tiêu Nguyệt H1, sinh năm 1980; ông Tiêu Chấn T, sinh năm 1982; ông Tiêu Chấn D, sinh năm 1984; ông Tiêu Chấn N, sinh năm 1989 và ông Tiêu Chấn T3, sinh năm 1995.

2.2. Xác định di sản thừa kế của ông Tiêu Gia X là nhà, đất tại địa chỉ D (số mới D) L, Phường A, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, quyền sử dụng đất ở, hồ sơ gốc số 10020/2004 ngày 10/8/2004 do Ủy ban nhân dân quận G, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho ông Tiêu Gia X là đại diện thừa kế của ông Tiêu S và bà Hồ T4 và được chia theo tỷ lệ như sau tại thời điểm thi hành án:

- Bà Mai Thị L được hưởng 1/7 giá trị nhà, đất;
- Ông Tiêu Chấn H được hưởng 1/7 giá trị nhà, đất;
- Bà Tiêu Nguyệt H1 được hưởng 1/7 giá trị nhà, đất;
- Ông Tiêu Chấn T được hưởng 1/7 giá trị nhà, đất;
- Ông Tiêu Chấn D được hưởng 1/7 giá trị nhà, đất;
- Ông Tiêu Chấn N được hưởng 1/7 giá trị nhà, đất;
- Ông Tiêu Chấn T3 được hưởng 1/7 giá trị nhà, đất;

2.3. Các đương sự có quyền thỏa thuận người nhận hiện vật, hoàn phần thừa kế cho các đồng sở hữu khác; nếu không thỏa thuận được thì một trong các đồng thừa kế của ông Tiêu Gia X có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản là nhà, đất 440 (số mới 468) L, Phường A, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, quyền sử dụng đất ở, hồ sơ gốc số 10020/2004 ngày 10/8/2004 do Ủy ban nhân dân quận G, Thành phố Hồ Chí Minh cấp để thi hành án. Số tiền phát mãi tài sản nêu trên sau khi trừ các chi phí, lệ phí cần thiết cho việc thi hành án sẽ chia theo tỷ lệ được sở hữu giá trị được nêu tại mục 2.2 của quyết định này.

3. Chi phí tố tụng khác do ông Tiêu Chấn T tự nguyện chịu, đã nộp đủ cho cơ quan có thẩm quyền.

4. Án phí dân sự sơ thẩm:

4.1. Bà Mai Thị L; ông Tiêu Chấn H; bà Tiêu Nguyệt H1; ông Tiêu Chấn D; ông Tiêu Chấn N; ông Tiêu Chấn T3 mỗi người phải chịu 44.189.700 đồng (làm tròn) (bốn mươi bốn triệu một trăm tám mươi chín nghìn bảy trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

4.2. Ông Tiêu Chấn T phải chịu 44.189.700 đồng (làm tròn) (bốn mươi bốn triệu một trăm tám mươi chín nghìn bảy trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 16.286.000 đồng (mười sáu triệu hai trăm tám mươi sáu nghìn đồng) đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0032808 ngày 08/4/2024 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Ông T còn phải nộp 27.903.700 đồng (hai mươi bảy triệu chín trăm lẻ ba nghìn bảy trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

5. Quyền, nghĩa vụ thi hành án của các đương sự được thực hiện tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

6. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

7. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân cấp cao tại TP.Hồ Chí Minh;
- VKSND cấp cao tại TP.Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.Hồ Chí Minh;
- Cục Thi hành án dân sự TP.Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Phạm Thị Thanh Trúc